

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2023/HS-ST
Ngày 27 - 04 -2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Như Toàn và ông Bùi Đức Nhân

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Phương Thanh, thư ký Tòa án nhân dân thành phố H;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:
Nguyễn Thị Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 03 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

* Họ và tên: **Vũ Văn C**, sinh ngày 08/02/1988, tại tỉnh Quảng Ninh; nơi đăng ký thường trú: tổ 46, khu S 2, phường C, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: tổ 3, khu 5A, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Thành A và bà Đỗ Thị L; vợ là: Nguyễn Thị T; có 01 con, sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: ngày 20/6/2016, bị công an phường C, thành phố P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác, số tiền phạt là 1.500.000đ, ngày 17/4/2023 bị cáo nộp số tiền 1.500,000đ; nhân thân: ngày 12/5/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Ngày 18/8/2017, thi hành xong phần dân sự của Bản án. Ngày 16/3/2018, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương; ngày 11/02/2009, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; ngày 12/5/2011, hoàn thành cai nghiện trở về địa phương; ngày 20/8/2012, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; ngày 17/01/2015, hoàn thành cai nghiện trở về địa phương; bị tạm giữ từ ngày 31/12/2022, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

* *Bị hại:* anh Lê Hồng Đ, sinh năm 1997; nơi cư trú: thôn K, xã N, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Phạm Đình H, sinh năm 1990; nơi cư trú: tổ 1, khu 5, phường D, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; nơi cư trú: tổ 3, khu 5A, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

* *Người làm chứng*: anh Dương Văn T, anh Hà Nhật M, anh Tạ Duy V, anh Nguyễn Văn K, anh Vũ Mạnh Q, anh Nguyễn Như S; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 26/12/2022, Vũ Văn C đi hát karaoke tại quán Karaoke O có địa chỉ tại thôn Đ, xã N, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh cùng các anh Lê Hồng Đ, Hà Nhật M, Tạ Duy V, Dương Văn T. Khi đi, cả nhóm đi 03 xe mô tô của anh T, anh Đ và C, trong đó có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125, màu sơn đỏ đen BKS 14X1-145.36 của anh Đ, còn xe mô tô của C là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio màu đỏ BKS 14H1-4020. Khi cả nhóm đang hát thì anh Nguyễn Văn K là nhân viên của quán hát lên mượn chìa khoá 03 xe mô tô để dắt xe vào sân sau quán hát. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, tất cả hát xong và xuống tầng 1 để thanh toán. Trong lúc mọi người đang thanh toán, anh Nguyễn Văn K đưa 3 chùm chìa khoá xe cho C. Thấy không ai để ý, C nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của anh Lê Hồng Đ để mang đi cầm cố lấy tiền. C trả chìa khoá xe cho anh T, sau đó cầm chìa khoá xe mình và chìa khoá xe anh Đ ra sân sau, nổ máy xe anh Đ và bỏ đi, để chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio màu đỏ BKS 14H1-4020 lại quán karaoke. Khi anh Đ không thấy xe và gọi điện hỏi C, C nói mượn xe sáng hôm sau sẽ trả. Sáng ngày 27/12/2022, C điều khiển xe của anh Đ đến nhờ bạn là Nguyễn Như S (sinh năm: 1989; trú tại: tổ 3, khu S 1, phường W, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh) tìm chỗ cầm cố, C nói đây là xe của 2 vợ chồng và đang cần tiền gấp. S đưa C đến gặp anh Phạm Đình H (sinh năm: 1990; trú tại: tổ 1, khu 5, phường D, thành phố P) và cầm cố chiếc xe được 15.000.000 đồng. Số tiền này C đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 29/12/2022, anh Lê Hồng Đ đến Công an xã N trình báo sự việc và giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio màu đỏ bạc BKS 14H1-4020 do Vũ Văn C để lại quán Karaoke.

Tại Kết luận định giá tài sản số 293/KLĐGTS ngày 31/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố H xác định: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125, màu sơn đỏ đen, gắn BKS 14X1-145.36 có giá trị tại thời điểm bị xâm phạm là 13.839.000 đồng.

Kết luận giám định số 123/KL-KTHS ngày 20/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận số khung, số máy hiện tại của xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125, màu sơn đỏ đen, gắn BKS 14X1-145.36 là số khung, số máy nguyên thủy.

Quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, ngoài ra bị cáo khai: do thấy chiếc xe mô tô Honda SH125 của anh Đ có

giá trị cao nên C nảy sinh ý định trộm cắp. Khi anh Đ biết và gọi điện thoại hỏi, C nói dối là mượn xe anh Đ đến hôm sau sẽ trả là nhằm kéo dài thời gian để mang xe đi tiêu thụ lấy tiền. Bị cáo mang xe về nhà, nhưng vợ bị cáo không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Ngoài ra, bị cáo thừa nhận anh Nguyễn Như S đã đưa toàn bộ số tiền cầm cố xe là 15.000.000đ cho bị cáo.

- Bị hại khai có lời khai về diễn biến sự việc bị cáo trộm cắp xe của bị hại như nội dung vụ án nêu trên.

- Những Người làm chứng khai:

+ Các anh: Hà Nhật M, Dương Văn T, Tạ Duy V đều khai về diễn biến sự việc đi cùng bị cáo đến quán Karaoke “O” và đều được chứng kiến sau khi cả nhóm hát xong ra về thì anh Đ không thấy xe của mình đâu nên gọi điện hỏi C thì C nói mượn xe sáng hôm sau sẽ trả.

+ Các anh: Nguyễn Văn K, Vũ Mạnh Q đều khai: là nhân viên của quán Karaoke “O”. Khoảng 22 giờ 15 phút, nhóm người gồm: Hà Nhật M, Dương Văn T, Tạ Duy V, Lê Hồng Đ và bị cáo điều khiển 03 xe mô tô đến quán, hát tại phòng số 1, tầng 3 của quán. Khoảng 30 phút sau, anh Đ lên phòng hát gặp anh Tân lấy chìa khóa của cả 03 xe để anh Quảng, anh Đ dắt xe ra phía sau của quán, sau đó để chìa khóa xe ở quầy lễ tân. Khoảng 30 phút sau, cả nhóm xuống tầng 1 chờ thanh toán tiền, trong lúc đó anh T và bị cáo ra quầy lễ tân gặp anh Nguyễn Văn K để lấy 03 chiếc chìa khóa xe. Sau đó, anh T và bị cáo ra ngoài khoảng 20 phút sau thì anh T quay lại. Lúc này, anh Đ đi ra ngoài không thấy xe của mình đâu nên gọi điện cho bị cáo thì bị cáo hẹn 7 giờ 30 phút ngày 27/12/2022 sẽ mang xe về trả.

+ Anh Nguyễn Như S khai: về sự việc đưa bị cáo đến gặp anh Phạm Đình H để cầm cố chiếc xe mô tô do bị cáo trộm cắp mà có như nội dung vụ án nêu trên. Khi đến địa điểm gặp anh H thì anh S gặp và trực tiếp giao dịch với anh H về việc cầm cố. Do bị cáo nói với anh S chiếc xe trên là của vợ chồng bị cáo, nên anh S cũng nói với anh H về nguồn gốc xe là của vợ chồng bị cáo. Anh H đã đồng ý nhận cầm cố xe với số tiền 15.000.000đ. Sau khi nhận số tiền này, anh S đã đưa lại toàn bộ cho bị cáo. Anh S không được hưởng lợi gì từ việc cầm cố xe nêu trên.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai:

+ Anh Phạm Đình H khai về diễn biến sự việc nhận cầm cố chiếc xe mô tô như nội dung lời khai của anh Nguyễn Như S nêu trên. Do anh S nói với anh H nguồn gốc xe là của vợ bạn anh S nên anh H không biết nguồn gốc xe do bị cáo trộm cắp mà có. Nay anh H yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh H số tiền 15.000.000đ.

+ Chị Nguyễn Thị T khai: bị cáo và chị T là quan hệ vợ chồng, nơi ở tại ở tổ 3, khu 5A, phường B, thành phố H. Khoảng 23 giờ 45 phút ngày 26/12/2022, chị T thấy bị cáo điều khiển 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH, màu sơn đỏ đen về để ở nơi ở. Đến khoảng 9 giờ ngày 27/12/2022, bị cáo điều khiển xe đi đâu chị T không rõ. Bị cáo không nói cho chị T biết chiếc xe do đâu mà có. Đối với chiếc xe nhãn hiệu Yamaha Mio, biển kiểm soát 14H1-4020 là của chị T mua cũ và đã sử dụng từ lâu. Chị T không biết lý lịch của người bán.

Tại bản cáo trạng số: 70/CT-VKSHL ngày 27 tháng 3 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố Vũ Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù;

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- + Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 14X1-145.36, bị hại đã nhận lại và không yêu cầu gì về tài sản đối với bị cáo nên không xét;

- + Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ, biển kiểm soát 14H1-4020. Do xe chưa rõ nguồn gốc nên giao cho Công an thành phố H tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật.

- + Căn cứ khoản 4 Điều 275, khoản 1 Điều 375, khoản 2 Điều 579 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) cho anh Phạm Đình H.

Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 26/12/2022 như nội dung vụ án nêu trên; tại phiên tòa bị cáo khẳng định lời khai trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện, thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ, các tài liệu về hiện trường, biên bản nhận dạng; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 26/12/2022, tại quán Karaoke O thuộc thôn Đ, xã N, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, Vũ Văn C đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125, màu sơn đỏ đen, gắn biển kiểm soát 14X1-145.36 có giá trị 13.839.000đ (mười ba triệu tám trăm ba mươi chín nghìn đồng) của anh Lê Hồng Đ. Sau đó, C đem đi cầm cố được 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), toàn bộ số tiền trên C đã ăn tiêu cá nhân hết.

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác.

Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, như Bản cáo trạng đã nêu và viện dẫn là có căn cứ pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của mọi người phải được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Bị cáo nhận thức rõ nhưng vẫn bất chấp chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu của bản thân, với ý thức chiếm đoạt tài sản đến cùng và thực hiện hành vi phạm tội một cách táo tợn. Hành vi của bị cáo đã thể hiện sự coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục và ngăn chặn tội phạm. Mặt khác, bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính, bị xét xử và phải chấp hành hình phạt tù liên quan đến tài sản; đã nhiều lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cải tạo bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội, cho thấy bị cáo là đối tượng khó cải tạo nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt. Tuy nhiên, xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền. Tuy nhiên, xét bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, nên không áp dụng.

[4] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

+ Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 14X1-145.36, quá trình điều tra xác định xe có nguồn gốc hợp pháp. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản trên cho bị hại, nay bị hại không yêu cầu về tài sản đối với bị cáo, nên không xét.

+ Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ -bạc, biển kiểm soát 14H1-4020, giấy tờ xe mang tên chủ xe là anh Nguyễn Thế R, trú tại: thôn U, phường Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình điều tra xác định không có người nào tên Nguyễn Thế R trên dữ liệu quản lý dân cư của phường Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Do chưa xác định rõ nguồn gốc, chủ sở hữu xe nên cần giao cho Công an thành phố H tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Đối với số tiền 15.000.000đ anh H nhận cầm cố xe đã đưa cho anh S, sau đó anh S đã đưa lại toàn bộ cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã nhận đủ số tiền 15.000.000đ. Do bị cáo được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nên cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả lại anh H số tiền 15.000.000đ.

[5] Về lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát: xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng Hình sự quy định; Tại phiên tòa bị cáo cũng đã thừa nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Liên quan trong vụ án:

- Đối với anh Nguyễn Như S là người giúp bị cáo liên hệ và trực tiếp giao dịch với anh Phạm Đình H để cầm cố chiếc xe của bị hại. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định anh S không biết nguồn gốc xe do bị cáo phạm tội mà có và không hưởng lợi từ việc gì trong việc giúp bị cáo cầm cố xe nên không đủ căn cứ xử lý về hình sự.

- Đối với anh Phạm Đình H là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô như nêu trên, nhưng không biết nguồn gốc chiếc xe do bị cáo phạm tội mà có, nên không có cơ sở xử lý về hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Tuyên bố: bị cáo Vũ Văn C phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: bị cáo Vũ Văn C 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ: ngày 31/12/2022.

2. Về xử lý vật chứng: giao cho Công an thành phố H tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ - bạc, biển kiểm soát 14H1-4020, số khung: 23B2-001872, số máy 3B208Y001872 (theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản số 183/BB-THA ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H).

3. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ khoản 4 Điều 275, khoản 1 Điều 357, khoản 2 Điều 579 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; điểm b Điều 13 Nghị quyết 01/HĐTP/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) cho anh Phạm Đình H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi thành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 750.000đ (bảy trăm lăm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1, 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP H;
- Cơ quan ĐTCATP H;
- Cơ quan THAHS TP H;
- Trại tạm giam Công an tỉnh QN;
- Chi cục THADS TP H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng